

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/DS-PT

Ngày 09 - 01 - 2024

V/v *Yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận chia di sản thừa kế*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

Bà Nguyễn Thị Hằng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 446/2023/TLPT-DS ngày 22/11/2023 về việc “*Yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận chia di sản thừa kế*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 204/2023/DS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 421/2023/QĐ-PT ngày 04/12/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị Ngọc T; địa chỉ: Số F N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 13/02/2023):

1. Bà Nguyễn Thị S; địa chỉ: Số F P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

2. Ông Phan Đức H; địa chỉ: Số I N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

3. Ông Lê Q; địa chỉ: Số I N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị N; địa chỉ: Số C L, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: Bà Ngô Thị Bích T1; địa chỉ: Số A G, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 23/5/2023); Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Văn phòng C; địa chỉ: Số A - A Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

2. Bà Ngô Thị Bích T2; địa chỉ: Thôn C, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

3. Bà Ngô Thị Bích T1; địa chỉ: Số A G, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

4. Bà Ngô Thị Bích T3; địa chỉ: Số B H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ hiện nay: Số A Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

5. Ông Ngô Đức M; địa chỉ: Hẻm C L, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

6. Ông Ngô Đức T4; địa chỉ: Hẻm C L, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Yêu cầu khởi kiện và trình bày của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc T:** Thừa đất số 67A, tờ bản đồ số 15 diện tích 300m², trong đó có 75m² đất ở và 225m² đất trồng cây hàng năm tại thôn H, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc thuộc quyền sử dụng đất của vợ chồng bà Trần Thị N và ông Ngô Đức B (chết năm 2014).

Bà N thừa nhận, năm 2011 có chuyển nhượng cho vợ chồng bà Ngô Thị Bích T3 một phần thửa đất số 67A, diện tích chuyển nhượng là 150m² để vợ chồng bà T3 sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở nhưng các bên chưa thực hiện các thủ tục tách thửa, chuyển quyền theo quy định.

Ngày 23/12/2011, bà T3 ký Hợp đồng chuyển nhượng cho bà Phan Thị Ngọc T 150m² đất nêu trên với giá 45.000.000 đồng, bà T đã giao đủ tiền và có đưa thêm cho bà T3 số tiền 5.000.000 đồng để hỗ trợ cho bà T3 làm các thủ tục chuyển quyền sử dụng. Tuy nhiên sau đó bà T3 không thực hiện được và bà T bị gia đình bà N ngăn cản không cho bà T được quản lý sử dụng phần đất đã mua nên phát sinh tranh chấp, vụ việc được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và Bản án dân sự phúc thẩm số 133/2021/DS-PT ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk với quyết định: “*Buộc bà Ngô Thị Bích T3 phải hoàn trả cho bà Phan Thị Ngọc T 45.000.000đ tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã nhận và bồi thường thiệt hại cho bà T 305.400.000đ; Tổng cộng 350.400.000đ (Ba trăm năm mươi triệu bốn trăm nghìn đồng)*”.

Từ khi bản án có hiệu lực đến nay, bà Ngô Thị Bích T3 không có bất kì động thái nào để thực hiện việc thi hành án và ngoài 150m² đất thuộc thửa đất 67A thì bà T3 không còn tài sản nào khác. Do toàn bộ thửa đất 67A (trong đó có 150m² đất của bà T3) đã bị bà Trần Thị N và bà Ngô Thị Bích T2 thực hiện thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số công chứng 6756, quyền số 14/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/8/2015 tại Văn phòng C và bà Trần Thị N đã được Ủy ban nhân dân Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 760216 ngày 09/9/2015.

Việc bà Trần Thị N và bà Ngô Thị Bích T1 tự ý xác lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế để bà N được cấp Giấy chứng nhận đối với toàn bộ thửa đất số 67A là trái quy định của pháp luật vì:

Trước đó vợ chồng bà N, ông B đã bán cho vợ chồng bà T3 150m² đất nên phần đất này không phải là di sản thừa kế của ông Ngô Đức B.

Bà Ngô Thị Bích T3 có quan hệ là con ruột của bà Trần Thị N và ông Ngô Đức B, theo quy định của Bộ luật Dân sự thì bà T3 thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Tuy nhiên Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số công chứng 6756, quyền số 14/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/8/2015 tại Văn phòng C chỉ có bà N và bà T2 tự kê khai và thỏa thuận phân chia mà không có ý kiến của những người thừa kế khác (trong đó có bà T3) là trái quy định của pháp luật và gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Ngọc T. Do đó bà T khởi kiện, đề nghị Tòa án:

- Hủy toàn bộ Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số công chứng 6756, quyền số 14/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/08/2015 tại Văn phòng C giữa bà Trần Thị N và bà Ngô Thị Bích T2.

- Hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 760216 do Ủy ban nhân dân Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp cho bà Trần Thị N ngày 09/09/2015.

*** Ý kiến của bị đơn bà Trần Thị N:** Thửa đất số 67A, tờ bản đồ số 15, diện tích 300m² tại thôn H, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là tài sản chung của vợ chồng bà Trần Thị N và ông Ngô Đức B (chết năm 2014).

Bà N và ông B có 05 người con là: Ngô Thị Bích T1, Ngô Thị Bích T3, Ngô Đức M, Ngô Đức T4, Ngô Thị Bích T2. Khi ông B chết, gia đình đã họp gia đình thống nhất thỏa thuận giao toàn bộ phần di sản của ông B trong thửa đất số 67A cho bà Trần Thị N được thừa kế.

Khi ký kết Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số công chứng 6756, quyền số 14/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/8/2015 tại Văn phòng C, do những người con của bà N, ông B đều ở xa nên chỉ thỏa thuận bằng miệng và không tranh chấp gì với bà Trần Thị N.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc T thì bà Trần Thị N không đồng ý vì khoản nợ của bà T3 với bà T không liên quan đến gia đình bà N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 204/2023/DS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột quyết định:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 38, 147, 270, 271, 273, 293; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 635, Điều 642, Điều 681 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc T về việc đề nghị Tòa án: Hủy toàn bộ Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 05/8/2015 giữa bà Trần Thị N và bà Ngô Thị Bích T2 tại Văn phòng C có số công chứng 6756, quyền số 14/TP/CC-SCC/HĐGD.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, các chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/9/2023, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận đơn khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc T giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:**

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 204/2023/DS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị Ngọc T làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung khởi kiện và kháng cáo của bà T, HĐXX xét thấy:

Nguồn gốc diện tích đất 150m² mà bà Ngô Thị Bích T3 chuyển nhượng cho bà Phan Thị Ngọc T nằm trong tổng 300m² đất thuộc thửa đất 67A, tờ bản đồ số 15, tại thôn H, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo GCNQSDĐ số AO 760442 do U cấp 13/10/2009 cho hộ ông Ngô Thanh B1; ngày 12/11/2009 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Tp . xác nhận thay đổi cơ sở pháp lý chuyển nhượng cho ông Ngô Đức B.

Vợ chồng ông Ngô Đức B và bà Trần Thị N có 05 người con gồm: Bà Ngô Thị Bích T1, bà Ngô Thị Bích T3, ông Ngô Đức M, ông Ngô Đức T4, bà Ngô Thị Bích T2. Ngày 29/5/2014 ông Ngô Đức B chết không để lại di chúc. Ngày 05/8/2015, bà Trần Thị N và bà Ngô Thị Bích T2 lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại Văn phòng C có số công chứng 6756, quyền số 14/TP/CC-SCC/HĐGD, có nội dung để lại toàn bộ phần di sản của ông Ngô Đức B cho bà Trần Thị N. Ngày 09/9/2015 bà Trần Thị N được U cấp GCNQSDĐ số BT 760216. Bà N và bà T2 cho rằng những người con khác là bà T1, bà T3, ông M, ông T4 ở xa nên không tham gia được nhưng có họp gia đình và chỉ thỏa thuận bằng miệng để lại toàn bộ tài sản cho bà Trần Thị N.

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 326/2011/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã ghi nhận sự thỏa thuận của ông Phù Hữu L và bà Ngô Thị Bích T3 về việc giao cho bà T3 quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 150m² nằm trong tổng 300m² đất thuộc thửa đất 67A, tờ bản đồ số 15 nói trên; về giấy tờ chuyển quyền sử dụng đất bà T3, ông L và bà Trần Thị N tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, khi bà T3 chưa thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất từ ông Ngô Đức B sang tên bà T3, tức bà T3 chưa phải là chủ sử dụng đất nhưng ngày 23/12/2011 bà T3 lại viết giấy chuyển nhượng diện tích đất 150m² nói trên cho bà Phan Thị Ngọc T là vi phạm Điều 106 Luật đất đai năm 2003 quy định về các điều kiện để được chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/12/2011 giữa bà T3 và bà T là vô hiệu. Hậu quả của hợp đồng vô hiệu là các bên khôi phục lại hiện trạng ban đầu và trả lại cho nhau những gì đã nhận, bà T3 phải trả lại cho bà T 45.000.000 đồng tiền chuyển nhượng QSDĐ và 305.400.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại, tổng cộng là 350.400.000 đồng. Nội dung này đã được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma

Thuật và Bản án dân sự phúc thẩm số 133/2021/DS-PT ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và đã có hiệu lực thi hành.

Như vậy, bà Ngô Thị Bích T3 không phải là chủ sử dụng của diện tích đất 150m² nằm trong tổng 300m² đất thuộc thửa đất 67A, tờ bản đồ số 15 nói trên, mà hiện chủ sử dụng của thửa đất này là bà Trần Thị N theo GCNQSDĐ số BT 760216 do U cấp ngày 09/9/2015. Do đó, diện tích đất này không phải là tài sản thuộc quyền sử dụng của bà Ngô Thị Bích T3 và không được dùng để thực hiện nghĩa vụ thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và Bản án dân sự phúc thẩm số 133/2021/DS-PT ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, tại Quyết định số 61/QĐ-CCTHADS ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột xác định bà Ngô Thị Bích T3 chưa có điều kiện thi hành án nên chưa thể thực hiện nghĩa vụ trả 350.400.000 đồng cho bà T. Việc bà Trần Thị N và Ngô Thị Bích T2 thỏa thuận lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 05/8/2015 tại Văn phòng C có số công chứng 6756, quyển số 14/TP/CC-SCC/HĐGD là không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị Ngọc T nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phan Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc T.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 204/2023/DS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 38, 147, 270, 271, 273, 293, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 635, 642, 681 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2.1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc T về việc đề nghị Tòa án hủy toàn bộ Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 05/8/2015 giữa bà Trần Thị N với bà Ngô Thị Bích T2 tại Văn phòng C theo số công chứng 6756, quyển số 14/TP/CC-SCC/HĐGD.

[2.2] Về chi phí tố tụng: Bà Phan Thị Ngọc T phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản, đã nộp và chi phí xong.

[2.3] Về án phí:

[2.3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp (Ông Phan Hữu H1 nộp thay) theo biên lai thu số AA/2022/0001754 ngày 13/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2.3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (Ông Phan Hữu H1 nộp thay) theo biên lai thu số AA/2022/0004726 ngày 12/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Trang

